

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18 /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 208/BC-HĐND ngày 04

tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 12071/UBND-ĐTKT ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là DTTS và MN) giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3. Không sử dụng vốn ngân sách trung ương để thực hiện các nội dung:

a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS và MN;

b) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới phần đầu đạt nông thôn mới hiện đại;

c) Thực hiện xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

d) Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác ở cấp tỉnh, cấp xã do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Tiêu chí phân bổ vốn cho xã được xác định theo tiêu chí sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và MN: 01 điểm/thôn;

b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS và MN, xã an toàn khu, xã biên giới: 50 điểm;

c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS và MN: 40 điểm;

d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS và MN: 30 điểm;

đ) Xã còn lại: 25 điểm.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này thì chỉ áp dụng một số điểm phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều điểm đối với cùng một xã (Số liệu thôn, xã thuộc vùng đồng bào DTTS và MN theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030).

2. Đối với nguồn vốn kinh phí chi thường xuyên

a) Phân bổ cho các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh: Tối đa 30% tổng số dự toán trung ương phân bổ cho tỉnh.

b) Phần vốn còn lại phân bổ cho xã theo khoản 1 Điều này.

3. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho từng xã

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số vốn ngân} \\ \text{sách trung ương} \\ \text{phân bổ cho xã} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số điểm phân bổ} \\ \text{vốn ngân sách trung} \\ \text{ương của xã} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị một điểm} \\ \text{phân bổ vốn ngân} \\ \text{sách trung ương} \end{array}$$

Trong đó:

Tổng số điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương của xã: Là tổng số điểm phân bổ cho xã theo quy định tại khoản 1 điều này.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị một điểm} \\ \text{phân bổ vốn ngân} \\ \text{sách trung ương} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ} \\ \text{cho tỉnh} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm phân bổ vốn ngân sách} \\ \text{trung ương của tất cả các xã} \end{array}}$$

4. Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao và Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và các nguồn lực lồng ghép cho cấp tỉnh, cấp xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã; bảo đảm ưu tiên phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN, an toàn khu, biên giới; không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

Mục 2

MỨC VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN TỰ CÂN ĐỐI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương (tỉnh, cấp xã)

Căn cứ nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Đắk Lắk, ngân sách địa phương bảo đảm bố trí đủ vốn đối ứng (tối thiểu 76% tổng số vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho tỉnh) theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; trong đó:

1. Ngân sách tỉnh: Bảo đảm bố trí đủ vốn đối ứng của địa phương theo quy định so với ngân sách trung ương và định mức phân bổ vốn được quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.

2. Ngân sách cấp xã: Bố trí mức vốn đối ứng tối thiểu theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

Điều 6. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương

Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình, bao gồm:

1. Hỗ trợ tất cả các xã, phường, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS và MN; ưu tiên hỗ trợ xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS và MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

2. Hỗ trợ các xã, đơn vị cấp tỉnh, phường theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện xây dựng nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

3. Thực hiện xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

4. Hỗ trợ xây dựng công trình phúc lợi cho xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030: Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới là 02 tỷ đồng/xã, đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại là 03 tỷ đồng/xã.

5. Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra của Chương trình.

Điều 7. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách tỉnh

1. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Tiêu chí phân bổ vốn cho xã, phường được xác định theo tiêu chí sau:

- a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và MN: 01 điểm/thôn.
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS và MN, xã an toàn khu, xã biên giới: 50 điểm.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS và MN: 40 điểm.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS và MN: 30 điểm.
- đ) Xã, phường còn lại: 25 điểm.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này thì chỉ áp dụng một số điểm phân bổ cao

nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều điểm đối với cùng một xã, phường (Số liệu thôn, xã thuộc vùng đồng bào DTTS và MN theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo).

e) Tiêu chí ưu tiên:

- Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030: 100 điểm.
- Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030: 150 điểm.
- Xã, phường triển khai thực hiện Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên: 10 điểm.

2. Đối với nguồn vốn kinh phí chi thường xuyên

a) Phân bổ cho các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh: Tối đa 30% tổng số dự toán ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Chương trình.

b) Phần vốn còn lại phân bổ cho xã, phường theo khoản 1 Điều này.

3. Định mức phân bổ vốn ngân sách tỉnh cho từng xã, phường

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số vốn ngân} \\ \text{sách tỉnh phân bổ} \\ \text{cho xã, phường} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số điểm phân bổ} \\ \text{vốn ngân sách tỉnh của} \\ \text{từng xã, phường} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị một điểm} \\ \text{phân bổ vốn ngân} \\ \text{sách tỉnh} \end{array}$$

Trong đó:

Tổng số điểm phân bổ vốn ngân sách tỉnh của từng xã, phường: Là tổng số điểm phân bổ cho xã, phường theo quy định tại khoản 1 điều này.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị một điểm} \\ \text{phân bổ vốn ngân} \\ \text{sách tỉnh} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số vốn ngân sách tỉnh} \\ \text{đối ứng} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm phân bổ vốn ngân sách tỉnh} \\ \text{của tất cả các xã, phường} \end{array}}$$

Điều 8. Mức vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách cấp xã

1. Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS và MN, xã an toàn khu, xã biên giới: Không quy định mức vốn đối ứng.

2. Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS và MN: Mỗi xã bố trí vốn đối ứng tối thiểu 5% tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng xã.

3. Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS và MN: Mỗi xã bố trí vốn đối ứng tối thiểu 10% tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng xã.

4. Xã, phường còn lại: Mỗi xã, phường bố trí vốn đối ứng tối thiểu 15% tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng xã, phường.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 06 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh; UBND TQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An